

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 do sáp nhập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TUẦN GIÁO

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ- UBND ngày 10/09/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 do sáp nhập;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ- UBND ngày 17/09/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1040/QĐ- UBND ngày 17/09/2026 của UBND xã Tuần Giáo về việc bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách theo NĐ 154/2025/NĐ-CP năm 2026;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 do sáp nhập, bổ sung dự toán chi theo NĐ 154/2025 của trường THCS Tuần Giáo.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị từ ngày 21/09/2026 đến 21/10/2026 và công bố tại cuộc họp toàn thể viên chức, người lao động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận tài chính và các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phú Tân

Đơn vị: Trường THCS Tuấn Giáo

Chương: 822



Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Kèm theo Quyết định số 196/QĐ-THCS Ngày 21/09/2026 Của trường THCS Tuấn Giáo)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	0
	Lệ phí...	0
	Lệ phí...	0
2	Phí	0
	Phí...	0
	Phí...	0
3	Thu SXKD, dịch vụ	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
3	Chi SXKD, dịch vụ	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Lệ phí	0
	Lệ phí...	0
	Lệ phí...	0
2	Phí	0
	Phí...	0
	Phí...	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	26.530.352.746
I	Nguồn ngân sách trong nước	26.530.352.746
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	26.530.352.746
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	22.421.505.650
	- Mục: 7750 Chi khác	22.421.505.650
	7799: Dự toán điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 của các cơ sở giáo dục sau sát nhập	18.743.305.000
	7799: Bổ sung dự toán chi thực hiện chính sách tiền lương năm 2026 (đợt 3)	258.000.000
	7799: DT ĐC DT chi cải cách tiền lương năm 2026 của các CSGD sau sát nhập	2.916.200.650
	7799: DT ĐC DT chi thường xuyên khác năm 2026 của các CSGD sau sát nhập	480.000.000
	7799: DT ĐC DT tiết kiệm chi năm 2026 sau sát nhập (Dự toán dũ lại)	24.000.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.108.847.096
	- Mục: 7750 Chi khác	4.108.847.096
	7799: Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách theo NĐ 154/2025/NĐ-CP (đợt 3)	431.385.096
	7799: DT ĐC DT chi không TX theo NĐ 238/2025 năm 2026 của các CSGD sau sát nhập (QĐ số 1001 ngày 10/9/2026)	1.119.000.000
	7799: DT ĐC DT chi không TX chế độ bán trú NĐ 66/2025 năm 2026 sau sát nhập (QĐ số 1001 ngày 10/9/2026)	1.313.264.000
	7799: DT ĐC DT chi không TX chế độ Khuyết tật năm 2026 sau sát nhập (QĐ số 1001 ngày 10/9/2026)	187.200.000
	7799: DT ĐC DT chi không TX Thưởng năm 2026 sau sát nhập (QĐ số 1001 ngày 10/9/2026)	878.998.000
	7799: DT ĐC DT chi không TX mua sắm tập trung năm 2026 sau sát nhập (QĐ số 1001 ngày 10/9/2026)	179.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	0
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
12	Chi sự nghiệp An ninh	0
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
5.1	Dự án A	0
5.2	Dự án B	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0
11	Nguồn vay nợ nước ngoài	0

HÀO
ÔNG
OC CO
GIÁC
★

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Dự án A	0
1.2	Dự án B	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0
2.1	Dự án A	0
2.2	Dự án B	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0
3.1	Dự án A	0
3.2	Dự án B	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
4.1	Dự án A	0
4.2	Dự án B	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
5.1	Dự án A	0
5.2	Dự án B	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
6.1	Dự án A	0
6.2	Dự án B	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
7.1	Dự án A	0
7.2	Dự án B	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
8.1	Dự án A	0
8.2	Dự án B	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
9.1	Dự án A	0
9.2	Dự án B	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
10.1	Dự án A	0
10.2	Dự án B	0
11	Chi sự nghiệp Quốc phòng	0
11.1	Dự án A	0
11.2	Dự án B	0
12	Chi sự nghiệp An ninh	0
12.1	Dự án A	0
12.2	Dự án B	0

